

# GIỚI THIỆU NGUYỄN ĐỨC XUYÊN (1759-1824) VÀ TẬP HỒI KÝ BIÊN NIÊN “LÝ LỊCH SỰ VỤ”

## 1. Hành trạng Nguyễn Đức Xuyên

Nguyễn Đức Xuyên là hậu duệ đời thứ XV của dòng họ Nguyễn,<sup>(1)</sup> khai canh làng Dương Nỗ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, mà tổ tiên vốn thừa hưởng được linh khí của núi sông, truyền thống của gia tộc, và thời vận của đất nước, đã có nhiều võ công lẫy lừng lấy dưới thời nhà Lê Trung hưng.

Dòng họ ấy vốn có gốc nguồn từ Hải Dương, đời Trần Thái Tông (1225-1258) đã chuyển cư vào ven Sông Mã, lập nên làng Phước Châu thuộc huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trải qua nhiều lần đổi tên, cuối cùng định danh là làng Nguyệt Viên. Từ nửa sau thế kỷ XV, một số nhân vật trong dòng họ đã theo Lê Thánh Tông nam chinh, đánh Đồ Bàn. Sau khi thắng lợi trở về, các vị đã lập một làng mới ở bờ nam hạ lưu Sông Hương, thuộc huyện Tư Vinh, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa, đặt tên làng là Dương Nỗ.

Đời thứ IV của dòng họ này trên đất Thuận Hóa đã có một người lẫy lừng về võ nghiệp, đó là tướng Nguyễn Hữu Liêu (1538-1597). Quá trình hoạt động của ông diễn ra trên đất Bắc vào thời Lê-Mạc phân tranh. Năm 1551 ông được vua Lê Trung Tông cho triệu đến yết kiến, và cho lệ vào chính dinh theo Trịnh Kiểm đánh Mạc. Là một vị tướng trẻ có tài xông pha trận mạc, ông đã được Trịnh Kiểm gả con gái nuôi, được Trịnh Tùng tin cậy, trở thành cánh tay phải cho Trịnh Tùng trong việc bình định nhà Mạc, củng cố nhà Lê Trung hưng. *Đại Việt sử ký toàn thư* phần Bản kỷ tục biên của Phạm Công Trứ và *Lê triều thông sử* của Lê Quý Đôn đã ghi lại quãng đời binh nghiệp oanh liệt của ông. Vì thế ông đã được phong chức Điện tiền kiểm hiệu thái úy, Tráng Nghĩa dinh phó đô tướng, Tổng đốc thủy quân, tước Dương quốc công.

Đời thứ V của dòng họ có quận công Nguyễn Hữu Giai làm đến Điện tiền tả kiểm hiệu Tây quân đô đốc, kiêm Thủy sư thái phó.

Bảng đi 6 đời sau, con cháu chỉ lấy nghề nông sinh sống. Đến đời XII, ông cố của Nguyễn Đức Xuyên là Nguyễn Đức Ân có tay nghề được bổ làm Huấn đạo tại Sở Nhà Đồ. Người con là Nguyễn Đức Triêm tiếp tục giữ chức này. Vì thiếu tiền nhà nước, ông phải bỏ vào phủ Quy Nhơn sinh sống. Đến cháu nội là Nguyễn Đức Quảng lại chuyển gia đình vào cư trú ở thôn Tân Kiểng, huyện Tân Long, thành Gia Định, là thân phụ của Nguyễn Đức Xuyên. Tại đây, Nguyễn Đức Quảng đã ra tòng quân. Do tuổi cao, sức yếu, nên nửa chừng ông đã nghỉ. Ba người con của ông do biến động chiến cuộc đã có những chọn lựa ban đầu khác nhau.

Người con đầu là Nguyễn Đức Thái đã ra phò Nguyễn Ánh, về sau thăng đến Khâm sai Cai cơ. Người con thứ ba là Nguyễn Đức Ngữ, đầu quân với Tây Sơn, thăng đến Đô đốc, sau trở về hàng dưới trướng Nguyễn Ánh.

<sup>1</sup> Thủy tổ là ngài Nguyễn Hữu Vĩnh, do đó các đời sau đều giữ họ Nguyễn Hữu, riêng chi của Nguyễn Đức Xuyên lại đổi sang Nguyễn Đức. Trong Lời tâu dâng lý lịch sự vụ, Nguyễn Đức Xuyên lại khai là họ Nguyễn Phúc, tên các đời cũng khác trong gia phả. Có lẽ do phải trốn tránh lưu lạc nhiều đời vào Nam nên có sự khác nhau ấy.

Nguyễn Đức Xuyên là con trai thứ hai, sinh năm 1759. Vốn có sức khỏe, thiếu thời đã luyện tập tinh thông võ nghệ, năm 1780 ông theo tòng quân với Nguyễn Ánh, được làm đội viên đội cấm binh bảo vệ chúa.

Hai năm sau do có chiến công cùng toàn đội cấm binh truy kích quân Tây Sơn ở đồng Long Mạt, nên được thăng làm nội đội Đội trưởng tòng quân tước Xuyên Đức hầu.

*Đại Nam chính biên liệt truyện* đã viết về Nguyễn Đức Xuyên như sau:

“Xuyên là người dũng cảm mưu lược. Ban đầu lệ vào Nội hầu, làm Đội trưởng. Năm Quý Mão (1783) giặc Tây Sơn vào cướp, xa giá đi ra ngoài, Xuyên và Nguyễn Văn Mẫn hộ vệ cung quyến đến hành tại. Nhưng khi đánh ở Hòn Chông, quân ta thất lợi, Xuyên lên đường bộ trốn thoát. Mùa thu năm Giáp Thìn (1784), vua từ nước Xiêm hồi loan, Xuyên đến yết kiến, theo vua đánh giặc, lại thất lợi, vua đi Hà Tiên, Xuyên theo hầu. Một hôm, đến tối vua vẫn chưa có cơm ăn, Xuyên chạy vào nhà dân xin cơm. Dân hỏi: Kiệu đi trước có phải là chúa cũ không? Xuyên lúc đầu trả lời không phải. Dân nói rằng đã trộm thấy, đừng che giấu gì nữa. Cậu hãy đi đi, lát nữa cơm chín tôi sẽ đem tới dâng. Vua sai hỏi họ tên, nhưng dân ấy chạy một không trả lời được. Khi vua đi Vọng Các, Xuyên vì ngộ sát người buôn nước Xiêm, sợ bị tra hỏi, không ở theo vua mà tạm ở Rạch Khương [địa danh nước Xiêm].

“Mùa thu năm Đinh Mùi (1787) ngự giá trở về, đổi Xuyên làm thuộc nội Cai đội đội Túc trực, cùng với Nguyễn Văn Khiêm đi Bình Thuận do thám giặc và thu thuế dẫu, vải.

“Năm Nhâm Tý (1792) đại giá thân chinh Quy Nhơn, đến cảng Thi Nại, Xuyên đôn đốc chiến thuyền theo bọn Nguyễn Văn Trương vào trước. Các quân tiến sau, giặc bèn tan vỡ.

“Năm sau lại theo đánh Quy Nhơn, Đô đốc Đẩu của giặc chiếm cứ bảo Khố Sơn để chống cự, quân ta ở dưới núi không lên được. Một mình Xuyên tiến lên, gọi giặc nói rằng: ‘Nay Vương sư đã chiếm Song Kiều đến Tháp Cát, chúa các người thu binh vào thành, đại binh ta bốn mặt vây hãm, thành Quy Nhơn không chừng bị hạ. Các người vì tên Đẩu cố thủ mà chuốc lấy cái chết sao’. Lính giặc nghe Xuyên nói, bèn có ý hàng. Xuyên báo gấp cho Nguyễn Văn Trương thúc binh tiến lên. Giặc mở cửa bảo đón quan quân. Tên Đẩu sợ hãi trốn thoát, bảo [Khố Sơn] bèn bị chiếm. Rồi tiến công lên vây thành Quy Nhơn. Giặc đưa quân vào tiếp viện. Đến khi ban sư, do công lao Xuyên được thăng hàm Vệ úy vệ Hùng Võ quân Thần Sách.

“Năm Ất Mão (1795) theo đi đánh Quy Nhơn. Cùng Lê Văn Duyệt đánh Đô đốc Lê Văn Phong của giặc ở bảo Lò Gốm, cả phá được.

“Bính Thìn (1796) hải phi Đò Bà ở ngoài biển Hà Tiên cướp bóc, cản trở đường biển. Gặp lúc đưa sứ nước Xiêm về nước, vua sai Xuyên dẫn binh thuyền hơn 10 chiếc đưa ra khỏi biên giới. Xuyên đến Phú Quốc, dò xét được chỗ tàu phi đậu, bèn phân thủy binh làm ba đạo quân, nhân lúc phi không phòng bị, đã đột kích thuyền phi, đánh chìm một chiếc, còn lại đều chạy trốn, đuổi bắt

được 10 chiếc, bắt được đảng giặc hơn 80 người, súng khí giới nhiều vô kể. Gặp lúc nước Xiêm cũng sai tướng dẫn thủy binh tiêu trừ, đến đó thì Đồ Bà đã vỡ tan, bèn tiếp đón sứ bộ trở về nước. Từ đó phỉ Đồ Bà trốn xa, người Xiêm cũng nể sợ tên Xuyên. Lúc khác, sứ Xiêm đến, vua chỉ vào Xuyên nói rằng đây là vị tướng năm trước đánh Đồ Bà đó.

“Năm Mậu Ngọ (1798) thăng làm Phó thống Hậu đồn. Kỷ Mùi (1799) kiêm quản 5 tượng cơ theo đánh Quy Nhơn. Giặc đánh vào bảo Tháp Cát, Xuyên bị đạn bay trúng đầu, bị vết thương mà đánh, cả phá binh giặc, bắt được hơn 20 thớt voi. Được tin thắng trận, vua ban thưởng 500 quan tiền.

“Canh Thân (1800) thăng Thân Sách quân Tri tượng chính Đô thống chế dẫn binh hộ giá cứu viện cho Bình Định. Xuyên đến Diên Khánh, nghe gián điệp báo rằng: Tư đồ giặc là Võ Văn Dũng dẫn quân thủy bộ đánh vào Phú Yên, thế rất lớn. Xuyên vì binh giặc đông, binh ta ít, dâng sớ xin lui binh về Phan Rí, đợi thủy binh tiến lên, rồi mới cùng tiến. Vua dạy: người cứ tiến lên, ta đã có phương lược. Xuyên bèn tiến binh, theo Nguyễn Văn Thành sai phái. Rồi dẫn binh đóng ở ải Thạch Cương, giặc dựa vào núi cố thủ. Xuyên đưa binh đánh úp, giặc chạy khỏi La Thai, truy kích cả phá. Gặp lúc hàng tướng Từ Văn Chiêu làm phản. Vua sai Lê Văn Duyệt tiến binh đến Cù Mông, sai Xuyên chia tượng quân làm hai, một nửa lệ vào quân của Thành, một nửa tự lãnh đến cùng Duyệt. Xuyên dâng sớ tâu rằng: đánh trên bộ, voi là quan trọng; quân Tả đồn nhiều kẻ hàng giặc, cơ mưu tiết lộ, quân voi nếu chia ra hai, địch sẽ nhân sơ hở, sợ khó giữ được vẹn toàn. Thần xin giữ nguyên ở Đồng Thị, mà đem quân Tả đồn đến Cù Mông để ngừa hậu hoạn. Vua báo về: ‘Đồng Thị đất hiểm trở khó dùng voi, Cù Mông đất rộng rãi bằng phẳng lợi cho dùng voi đánh, người nên đi liền’. Xuyên vâng mệnh ra Cù Mông.

“Mùa thu năm ấy, Nguyễn Văn Thành đánh giặc ở bảo Núi Chúa, không thắng. Phó Vệ úy Nguyễn Công Trọng bị chết, Xuyên dâng sớ đại lược rằng: Giặc tất kéo dài việc vây thành Bình Định, mà binh ta lợi ở tốc chiến. Nay gió tây bắc dấy rồi, thủy quân không tiện, mà khe núi hiểm trở không quen thuộc. Nếu gặp đánh, sợ chỉ là gắng gượng cầu may vậy. Trong thành Võ Tánh tất giữ vững được. Nay cần đánh chậm, chọn binh hàng và quân già yếu đưa về thành Gia Định để giảm hao phí. Mùa xuân tới, thuận gió thì xin lãnh binh thuyền tiến đánh Thuận, Quảng, cắt đường vận lương của giặc; chúng sẽ tự cứu, không rảnh, thì vòng vây Bình Định có thể tự giải cứu được.

“Mùa đông năm ấy, Xuyên quản 10 tượng cơ. Giặc đánh vào bảo Thần Vệ, Xuyên chống phá, bắt được hơn trăm tên. Gặp lúc vua muốn dùng hỏa công đốt thuyền giặc, hỏi chư tướng ai làm được. Tống Viết Phước xin đi. Vua sắp cho, bèn mật báo cho Thành và Xuyên biết. Xuyên đang bệnh, vua sai Nguyễn Cửu Kỷ đem nhân sâm ban cho. Xuyên nói với Kỷ rằng: Nghe chúa thượng dùng kế hỏa công mà Phước xin đi, theo Xuyên tính Phước tuy dũng nhưng hỏng ở chỗ khinh suất tiến lên. Lê Văn Duyệt thì dũng mà có mưu. Nếu sai Duyệt đi thì việc tất xong. Nếu không thế, thì Xuyên xin đi vậy. Kỷ về tâu lại, vua bèn sai Duyệt. Mùa xuân Tân Dậu, cả phá Thi Nại. Xuyên và Thành chia binh đánh các bảo giặc ở Vân Sơn, Phú Trung, chém Đô đốc giặc là Hạch, bắt được 2 thớt voi.

“Mùa hạ, vua thân dẫn thủy quân tiến đánh Phú Xuân. Xuyên theo Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huỳnh Đức ở lại Bình Định đối phó với giặc. Vua triệu Xuyên đến dụ rằng: Nguyễn Văn Thành tốt nhưng kiêu, phạt nhiều, mất lòng kẻ tùy thuộc, nên lưu khanh ở lại đó hãy sửa chữa điều mất, để xong việc nước. Lại ban một chiếc nhung y ngự dụng và một chóc rượu ngự. Xuyên lạy tạ.

“Tháng 5, đại binh thu phục Phú Xuân. Tướng giặc là Lê Văn Phong đến cửa khuyết hàng. Lê Văn Duyệt tâu: Phong có tài đáng đại dụng. Xuyên ở quân thứ nghe tin, dâng mật sớ, cho Phong là kẻ rất thân tín với giặc, như thần và Nguyễn Văn Thành đối với nước nhà vậy. Thành và thần không phản bội nước, thì bọn Phong về hàng với ta ắt là không thành thực. Duyệt không xét, bàn cử Phong, ấy là do Lê Chất xui vậy. Chất về với ta đã lâu, vừa qua lại đuổi giặc không kịp, cũng có người nghi ngờ bàn ra nói vào. Huống chi là Phong. Chúa thượng lâu năm lao thân tiêu tứ mới thu phục cự đồ, một việc dùng người rất quan hệ, mà không xét kỹ, xin gia ý hơn.

“Vua rất tin cậy. Năm Nhâm Tuất (1802) Xuyên và tướng giặc là Trần Quang Diệu đánh nhau ở Kỳ Sơn, bị thua, Phó tướng Nguyễn Văn Huệ tử trận, Xuyên bèn dâng sớ xin chịu tội. Vua dụ rằng: Người với quốc gia, nghĩa là quân thần, tình như phụ tử. Đã gắng gỏi cùng chư tướng sĩ đồng tâm hiệp lực để chống nghịch cuồng chó lấy bại một trận mà nản lòng.

“Tháng Ba, thành Bình Định bị hạ, triệu Xuyên về kinh.

“Gia Long năm đầu, mùa hạ, hộ giá Bắc phạt. Đến Thanh Hoa, được sai lưu lại làm Đốc trấn, ban tước quận công.

“Tháng Tám, triệu đến hành tại ở Bắc thành, sai quyền chưởng Thần Vũ quân. Xuyên vâng chiếu, cùng Lê Văn Duyệt chia chọn binh đinh trong 5 trấn, cứ 7 đinh lấy 1. Rồi được vua ban cho 1.000 hộ lúa.

“Mùa đông năm ấy hộ giá trở về kinh. Lại có tang cha. Tháng Mười Một, chọn lính ở Bộ Chính ngoại châu bổ vào tượng dinh.

“Gia Long năm thứ 2, mùa hạ, làm Chưởng Tượng chính kiêm Cai tào vụ. Mùa thu năm ấy có việc bang giao, đã hộ giá Bắc tuần. Đến Thanh Hoa, vua sai lãnh bộ binh đi trước ra Bắc thành.

“Gia Long năm thứ 3, lễ bang giao xong, hộ giá trở về kinh. Vua có lúc mê say âm nhạc, Xuyên và Nguyễn Văn Nhân dâng sớ thống thiết can ngăn. Vua nhận lời can gián.

“Gia Long năm thứ 7, mùa thu được làm Khâm sai Chưởng Tượng quân lãnh Tượng chính, Cai tào vụ. Gia Long năm 11, mùa xuân, nhân lễ ninh lăng của Hiếu Khương Hoàng hậu, Xuyên làm Đề đốc binh voi theo hầu tả hữu. Gia Long năm 14, nhân lễ ninh lăng Thừa Thiên Cao Hoàng hậu, sung làm Phù liên sứ.

“Năm thứ 18, Xuyên tâu rằng thiên hạ tuy an, không thể quên chiến. Xin sai các thành dinh trấn hàng năm vào tháng Giêng, tháng 7 thao diễn trận voi, mỗi kỳ 3 ngày. Vua đồng ý.

“Minh Mệnh năm đầu, mùa hạ, nhân lễ ninh lăng Thế Tổ Cao Hoàng đế, sung làm Phù liên sứ.

“Năm thứ 2, xây dựng Thế Tổ miếu, Xuyên đôn đốc công việc. Mùa thu, đại giá Bắc tuần, sung làm tùy giá thị vệ đại thần. Trong lễ bang giao, sung làm Thọ sắc sứ.

“Xuyên tính hào phóng, chi phí lại rộng. Có lập ban tuồng gồm nam bộ, nữ bộ, cơ thiếp cũng xen lẫn trong nữ bộ. Vì của dùng không đủ, tâu xin với Thánh tổ cho lãnh bổng năm sau. Vua mệnh ban cho tiền 1.000 quan, gạo 1.000 phượng, và dụ rằng như không đủ thì tâu với trẫm. Nhà nước đối với khanh không hề hà tiện.

“Minh Mệnh năm thứ 5, bị bệnh, vua sai trung sứ đến thăm, ngày vài ba lần. Xuyên gắng gỏi tâu bày: Thần xưa thờ tiên đế, từ trẻ đã có công lao nhỏ. Kính vâng hoàng thượng lâm ngự đến nay, đã có nhiều lần ban ơn, chưa từng xung trận bịt vết thương để báo đáp. Nay lại quá ban ơn thương xót, ghi khắc nào hơn.

“Vua dạy: Xuyên tuổi đã suy yếu, còn có chí da ngựa bọc thây, quốc gia được người đều như thế, thì có lo gì. Mùa đông năm ấy mất, thọ 67 tuổi.<sup>(1)</sup>

“Vua dụ Bộ Lễ rằng: Xuyên là người trung dũng, thuần phác, phò tá hoàng khảo là Thế Tổ Cao Hoàng đế dẹp yên họa hoạn, rồi đến thờ trẫm cung kính thành thực ra đạo làm tôi. Không ngờ bị bệnh hơn tuần đã không dậy được. Ta nghĩ bậc kỳ cựu, nói đến thì nước mắt rơi. Tặng Đặc Tiến Tráng Võ Tướng Quân Tả Trụ Quốc Thái Phó, thụ Trung Dũng. Ban cho nhiều gấm đoạn sô sa, tiền, bãi triều 3 ngày. Sai quan dụ tế. Ngày đám tang cũng nghỉ triều 1 ngày, phái binh 1.000, voi 10 thốt đưa tiễn. Lại ban tiền hơn 1.400 quan, gạo 1.000 phượng, cấp mộ phu. Con cái đều được cấp tiền gạo.

“Năm Minh Mạng thứ 8 ban cho tòng tự ở Thế Miếu, lại liệt tự ở miếu Trung Hưng công thần. Cấp tự điền.

“Năm Minh Mệnh thứ 12, truy tặng Tá Vận Công Thần Đặc Tiến Tráng Võ Tướng Quân Hữu Quân Đô Thống Phủ Chương Phủ Sự, Thái phó, cải thụ là Hằng Dũng, phong Khoái Châu quận công”.

Như thế, cả vua Gia Long và vua Minh Mệnh đều đánh giá rất cao vai trò của Nguyễn Đức Xuyên.

## **2. Tập hồi ký biên niên “Lý lịch sự vụ”**

Năm 1822, do chủ trương của vua Minh Mệnh, cho các quan từng giữ trọng trách trong triều, viết lý lịch sự vụ nạp tại Sử quán để làm tài liệu viết sử, Nguyễn Đức Xuyên đã viết bản hồi ký này, gọi tên là “Lý lịch sự vụ”, gồm 2 bản, mỗi bản khổ 34 x 28cm, có 148 tờ tức 296 trang. Mỗi trang 12 dòng, mỗi dòng đủ có từ 32 đến 39 chữ, phạm vi ghi chép từ năm 1780 đến 1822. Một bản đã nộp vào Sử quán ngày 22 tháng 6 năm Nhâm Ngọ, 1822. Một bản lưu chiếu tại nhà riêng. Bản chúng tôi phiên dịch là bản lưu chiếu này. Do bảo quản chưa tốt, bản này bị nát trang đầu, trang cuối, và rách xơ xác góc trên

<sup>1</sup> Đúng ra là thọ 66 tuổi (1759-1824).

của một phần sáu số trang sách, ảnh hưởng từ một phần ba đến một phần hai các dòng 1, 2, 3, 4, 5 của tờ B và các dòng 8, 9, 10, 11, 12 của tờ A trên tổng số một phần sáu số trang sách. Có chỗ tuy rách còn dính liền cho phép đọc được, có chỗ mất hẳn, trong trường hợp đó chúng tôi đã ghi chú rõ mất mấy chữ đặt trong ngoặc vuông. Tuy nhiên khi bắt tay vào việc dịch, mới thấy là mất mát không đáng kể.<sup>(1)</sup>

Cách viết của tài liệu này là lối viết biên niên theo trình tự năm tháng ngày. Nội dung bao gồm đủ mọi việc liên quan đến công vụ của Nguyễn Đức Xuyên trong suốt 43 năm.

Tính chất quan trọng của bản hồi ký này thể hiện trên nhiều mặt, trong đó nổi bật là việc bảo lưu những văn bản chính thức thời Nguyễn vương còn đóng ở Gia Định, và cả những văn bản triều Gia Long. Đó là những tờ truyền, tờ phó của bộ tham mưu Nguyễn Ánh, những chiếu, hịch, văn thệ sư, điều lệnh quân đội của Nguyễn Ánh, đều được viết hầu hết với lối văn Nôm có pha thành ngữ chữ Hán, vào cuối thế kỷ XVIII.

Đối với các văn bản này, chúng tôi chỉ phiên âm, nếu có chỗ nào khó hiểu thì chú thích riêng.

Trong đó còn có những mật tấu của các cận thần như Nguyễn Đức Xuyên, Lê Văn Duyệt, những mật chỉ, mật chiếu của Nguyễn Ánh. Điều đó có ích cho việc tiếp cận với sự thực lịch sử khi nghiên cứu về Gia Long và vương triều Nguyễn.

Mặt khác tài liệu này cũng bảo lưu những văn thư trao đổi, giao thương giữa các Tổng trấn thành Lữ Tống (Luzon, Philippines), Ma Đa Đạt (Madras, Ấn Độ), Ma Cao, Đông phương Tổng trấn nước Anh, thư của vua Louis nước Pháp với nhà chức trách Việt Nam cũng như phúc tư của Việt Nam. Các văn bản này hầu hết do các viên quan người Pháp trong triều Gia Long dịch ra văn Nôm. Điều đó sẽ góp phần tìm hiểu về phương diện ngoại giao cũng như việc buôn bán với nước ngoài, trang bị quân sự và tình hình quan thuế buổi đầu triều Nguyễn.

Phần chiếm đa số trong tài liệu là mô tả quá trình chiến đấu của Nguyễn vương, từ năm 1780 cho đến khi chiếm Thăng Long, với những trận chiến cụ thể trên các vùng đất theo cách gọi dân dã ở các địa bàn Nam Bộ, Phú Yên, Diên Khánh, Quy Nhơn, Nam Ngãi...

Tài liệu này tự nó có giá trị về các phương diện văn học, địa lý, đặc biệt là lịch sử cận đại, về các lĩnh vực quân sự, nội trị, ngoại giao, ngoại thương của buổi đầu thời Nguyễn.

## T Ặ C

<sup>1</sup> Trước khi in ấn, chúng tôi được thân hữu gửi cho bản dịch “Lý lịch của Xuyên quận công Nguyễn Đức Xuyên” của GS Ngô Văn Ích, nhờ thế bổ sung được hai trang đầu của tập hồi ký theo bản dịch này, mà nguyên bản chúng tôi sử dụng bị rách mất. Ngoài ra, ở một số chữ bị mất, chúng tôi đối chiếu, bổ sung theo bản dịch của GS Ngô Văn Ích (đặt trong dấu ngoặc vuông, liền sau ghi chú mất chữ) nhằm hạn chế bớt phần khiếm khuyết của nguyên bản.